BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số:128/QĐ-ĐHNCT ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình: **Chương trình đào tạo Kỹ thuật xây dựng**
Trình độ đào tạo: **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo: **Kỹ thuật xây dựng**
Mã số: **7580201**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mô tả chương trình đào tạo.

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây xựng đào tạo Kỹ sư xây dựng có đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến ngành xây dựng.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Kỹ thuật xây dựng
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Civil Engineering
Mã ngành đào tạo	7580201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư xây dựng
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	151
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 151 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và

	hoàn thành các học phần điều kiện.
Vị trí việc làm	- Nhân viên tại các ban quản lý các Sở, UBND Quận, Huyện; phòng kinh tế hạ tầng….. - Nhân viên thiết kế tại các Viện kiến trúc, Sở Xây dựng……; - Cán bộ kỹ thuật, cán bộ giám sát tại các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến ngành xây dựng. - Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các viện nghiên cứu về xây dựng. - Cán bộ giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trong lĩnh vực xây dựng.
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật xây dựng Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ, Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.
Thời gian cập nhật	7/2022

1.3. Mục tiêu đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo Kỹ thuật xây dựng là đào tạo:

- Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng phụ trách thiết kế, thi công, tư vấn giám sát, quản lý các công trình xây dựng.

- Cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các viện nghiên cứu về xây dựng.

- Cán bộ giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trong lĩnh vực xây dựng.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu, những vấn đề về lý thuyết và thực tế xây dựng, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời, có ý thức phục vụ nhân dân

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

M1: Hiểu biết những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước và pháp luật Việt Nam, đường lối Quốc phòng toàn dân;

M2: Có kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên và kỹ thuật cơ sở phù hợp với ngành xây dựng để tiếp thu, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, chuyên sâu về xây dựng;

M3: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, bao gồm khảo sát, đo đạc, địa chất, nền móng, kết cấu công trình, biết thiết kế kết cấu công trình, thiết kế công nghệ tổ chức xây dựng;

M4: Biết và làm thành thạo tiên lượng, dự toán, phân tích kinh tế, quản lý, tổ chức, giám sát, chỉ đạo thi công và quản lý, quản trị khai thác các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; có khả năng vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở ngành như: Tin học đại cương, Hình họa - Vẽ kỹ thuật, Cơ học công trình, Vật liệu xây dựng, Trắc địa,… trong việc học tập các kiến thức chuyên ngành về xây dựng dân dụng và công nghiệp;

M5: Được trang bị các kiến thức chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp như: Kiến trúc dân dụng và công nghiệp, Kết cấu bêtông cốt thép, Kết cấu thép, Nền móng, Kỹ thuật điện, Cấp thoát nước, Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công, Kinh tế xây dựng,… để tính toán thiết kế; lập biện pháp, tổ chức, quản lý, điều hành thi công; giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

M6: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng.

M7: Có đạo đức nghề nghiệp, và trách nhiệm đối với công việc, nhà trường, cộng đồng và xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 151 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	**38**		**38**
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**104**	**9**	**113**
- Kiến thức cơ sở ngành	45		45
- Kiến thức chuyên ngành	55	3	58
- Thực tập tốt nghiệp	4		4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế		6	6
Tổng khối lượng	**142**	**9**	**151**

4. Đối tượng tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành và xét tuyển trong cả nước.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường (về Tin học đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT)

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

- Đánh giá điểm bộ phận và điểm học phần thực hiện theo điều 22 và điều 23 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Xếp hạng năm học, xếp hạng tốt nghiệp được thực hiện theo điều 14 và điều 28 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

6. Nội dung chương trình

6.1. ***Kiến thức giáo dục đại cương:***

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
A	**Lý luận chính trị**		**10**			
1	0102000889	Triết học	2	2		
2	0102000641	Kinh tế chính trị	2	2		
3	0102000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	1		
4	0102000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
5	0102000869	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
B	**Khoa học xã hội và nhân văn**		**2**			
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		
C	**Ngoại ngữ**		**9**			
7	0101000861	Anh văn căn bản 1	3	3		
8	0101000862	Anh văn căn bản 2	3	3		
9	0101000863	Anh văn căn bản 3	3	3		
D	**Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên**		**17**			
10	0101000898	Toán cao cấp 1	3	3		
11	0101000899	Toán cao cấp 2	3	3		
12	0101000896	Tin học cơ bản	3	2	1	
13	0101000883	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	3		
14	0101000868	Đại số tuyến tính	2	2		
15	0101000902	Vật lý đại cương	2	2		
16	0101000902	Vật lý đại cương – Thực hành	1		1	
E	**Giáo dục thể chất**		**3**			
17	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
18	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK

19	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
F	**Giáo dục quốc phòng**		**8**			
20	0101000871	Giáo dục quốc phòng (*)	8	5	3	ĐK

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

6.2. ***Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:***

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
Phần kiến thức cơ sở ngành			**45**			
1	0101000077	Hình họa & vẽ kỹ thuật	3	2	1	BB
2	0101000026	Cơ học lý thuyết	3	3		BB
3	0101000042	Địa chất công trình	3	3		BB
4	0101000132	Sức bền vật liệu	3	2	1	BB
5	0101000132	Sức bền vật liệu - Thực hành	1		1	BB
6	0101000025	Cơ học kết cấu 1 (tĩnh định)	3	3		BB
7	0101000025	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)	3	3		BB
8	0101000147	Thủy lực	3	3		BB
9	0101000024	Cơ học đất	3	3		BB
10	0101000024	Cơ học đất - Thực hành	1		1	BB
11	0101000154	Trắc địa	2	2		BB
12	0101000154	Trắc địa - Thực hành	1		1	BB
13	0101000157	Vật liệu xây dựng	3	3		BB
14	0101000157	Vật liệu xây dựng - Thực hành	1		1	BB
15	0101000100	Kỹ thuật điện xây dựng	3	3		BB
16	0101001219	Kỹ thuật an toàn lao động	3	3		BB
17	0101001548	Thực tập kỹ thuật viên kiến trúc (vẽ kiến trúc, kết cấu trên máy tính)	3		3	BB
18	0101000003	Anh văn chuyên ngành	3	3		BB
Phần kiến thức chuyên ngành			**58**			
19	0101000096	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	3	3		BB
20	0101000910	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp – Đồ án	1		1	BB
21	0101000082	Kết cấu bê tông cốt thép 1- cấu kiện cơ bản	3	2	1	BB
22	0101000081	Kết cấu bê tông cốt thép 1 - Đồ án	1		1	BB
23	0101000084	Kết cấu bê tông cốt thép 2 (kết cấu nhà)	3	2	1	BB
24	0101000083	Kết cấu bê tông cốt thép 2 - Đồ án	1		1	BB
25	0101000116	Máy xây dựng	3	3		BB

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
26	0101000118	Nền và móng	3	2	1	BB
27	0101000119	Nền và móng - Đồ án	1		1	BB
28	0101000014	Cấp thoát nước	3	3		BB
29	0101000102	Kỹ thuật thi công	3	3		BB
30	010100103	Kỹ thuật thi công - Đồ án	1		1	BB
31	0101000138	Tổ chức thi công	3	3		BB
32	010100139	Tổ chức thi công - Đồ án	1		1	BB
33	0101000135	Tin học ứng dụng – kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	3		3	BB
34	0101000136	Tin học ứng dụng – kỹ thuật 2 (SAP)	3		3	BB
35	0101000137	Tin học ứng dụng – kỹ thuật 3 (ETABS)	2		2	BB
36	0101000093	Cấu kiện thép cơ bản	3	3		BB
37	0101000123	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	2		BB
38	0101000095	Kết cấu thép nhà công nghiệp	3	3		BB
39	0101000091	Kết cấu thép - Đồ án	1		1	BB
40	0101000141	Thí nghiệm công trình	2	2		BB
41	0101000964	Thí nghiệm công trình - Thực hành	1		1	BB
42	0101000112	Luật xây dựng	2	2		BB
43	0101001566	Dự toán công trình	3	2	1	BB
44		***Tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)***	***3***	***3***	***0***	
45	0101000090	Kết cấu nhà cao tầng bê tông cốt thép	3	3		TC
46	0101000140	Xử lý nền đất yếu cho công trình *	3	3		TC
47		***Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp***	***10***		***10***	
48	0101000152	Thực tập tốt nghiệp	4		4	BB
49		***Nhóm 1: Làm Khóa luận tốt nghiệp***				
50	0101000073	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	TC
51		***Nhóm 2: Không làm KLTN thì học 2 môn thay thế***				
52	0101000086	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	3	2	1	TC
53	0101001347	Thiết kế một công trình dân dụng	3	2	1	TC

7. Kế hoạch giảng dạy

7.1. Học kỳ 1:

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Hình họa & vẽ kỹ thuật	3	60	30	30	BB

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
2	Anh văn căn bản 1	3	45	45		BB
3	Đại số tuyến tính	2	30	30		BB
4	Giáo dục quốc phòng- an ninh*	8*	165	75	90	ĐK
5	Giáo dục thể chất 1*	1*			30	ĐK
6	Triết học	2	30	30		BB
7	Pháp luật đại cương	2	30	30		BB
8	Tin học cơ bản	3	60	30	30	BB
	Tổng	**15**				

7.2. Học kỳ 2:

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Cơ học lý thuyết	3	45	45		BB
2	Anh văn căn bản 2	3	45	45		BB
3	Giáo dục thể chất 2*	1*	30		30	ĐK
4	Lý thuyết xác xuất thống kê toán	3	45	45		BB
5	Kinh tế chính trị	2	30	30		BB
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	15	15		BB
7	Toán cao cấp 1	3	45	45		BB
8	Vật lý đại cương	2	30	30		BB
9	Vật lý đại cương - Thực hành	1	30		30	BB
	Tổng	**18**				

7.3. Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Toán cao cấp 2	3	45	45		BB
2	Vật liệu xây dựng	3	45	45		BB
3	Vật liệu xây dựng - Thực hành	1	30		30	BB
4	Sức bền vật liệu	3	60	30	30	BB
5	Sức bền vật liệu - Thực hành	1	30		30	BB
6	Cơ học kết cấu 1 (Tĩnh định)	3	45	45		BB
7	Tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	3	90		90	BB
8	Anh văn cơ bản 3	3	45	45		BB
9	Giáo dục thể chất 3*	1*	30		30	ĐK
	Tổng	**20**				

7.4. Học kỳ 4

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Địa chất công trình	3	45	45		BB
2	Cơ học đất	3	45	45		BB
3	Cơ học đất - Thực hành	1	30		30	BB
4	Kết cấu bê tông cốt thép 1– Cấu kiện cơ bản	3	60	30	30	BB
5	Kết cấu bê tông cốt thép 1 – Đồ án	1	30		30	BB
6	Trắc địa	2	30	30		BB
7	Trắc địa - Thực hành	1	30		30	BB
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		BB
9	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)	3	45	45		BB
10	Kỹ thuật viên kiến trúc - Thực tập (vẽ kiến trúc, kết cấu trên máy)	3	90		90	BB
	Tổng	**22**				

7.5. Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Thủy lực	3	45	45		BB
2	Kết cấu bê tông cốt thép 2 (kết cấu nhà)	3	60	30	30	BB
3	Kết cấu bê tông cốt thép 2 - Đồ án	1	30		30	BB
4	Cấu kiện thép cơ bản	3	45	45		BB
5	Kỹ thuật điện xây dựng	3	45	45		BB
6	Tin học ứng dụng kỹ thuật 2 (SAP)	3	90		90	BB
7	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản VN	3	45	45		BB
8	Cấp - Thoát nước	3	45	45		BB
	Tổng	**22**				

7.6. Học kỳ 6

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)	3	45	45		BB
2	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	3	45	45		BB
3	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp - Đồ án	1	30		30	BB
4	Nền và móng	3	60	30	30	BB
5	Nền và móng - Đồ án	1	30		30	BB
6	Tin học ứng dụng kỹ thuật 3 (ETABS)	2	60		60	BB

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
7	Dự toán công trình	3	60	30	30	BB
	Học phần tự chọn, chọn 1 trong 2 môn	**3**				
8a	Kết cấu nhà cao tầng bêtông cốt thép	3	45	45		TC
8b	Xử lý nền đất yếu cho công trình*	3	45	45		TC
	Tổng	**19**				

7.7. Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Kết cấu thép nhà công nghiệp	3	45	45		BB
2	Kết cấu thép - Đồ Án	1	30		30	BB
3	Kỹ thuật thi công	3	45	45		BB
4	Kỹ thuật thi công - Đồ Án	1	30		30	BB
5	Máy xây dựng	3	45	45		BB
6	Tổ chức thi công	3	45	45		BB
7	Tổ chức thi công - Đồ Án	1	30		30	BB
8	Thí nghiệm công trình	2	30	30		BB
9	Thí nghiệm công trình - thực hành	1	30		30	BB
10	Kỹ thuật an toàn lao động	3	45	45		BB
	Tổng	**21**				

7.8. Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Số tiết		Loại hình
				LT	TH	
1	Luật xây dựng	2	30	30		BB
2	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	30	30		BB
3	Thực tập tốt nghiệp (KT Xây dựng ĐH)	4	120		120	BB
	Nhóm 1: Làm Khóa luận tốt nghiệp					
4	Khóa luận tốt nghiệp (Đồ án)	6	180		180	TC
	Nhóm 2: Không làm KLTN thì học 2 thay thế					
5	Kết cấu bêtông cốt thép đặc biệt	3	60	30	30	TC
6	Thiết kế một công trình dân dụng	3	60	30	30	TC
	Tổng	**14**				

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

8.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.3. Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Phòng thực hành các học phần cơ bản về vật lý, hóa đại cương với trang thiết bị phục vụ đào tạo trực quan.

- Phòng thực hành thí nghiệm chuyên ngành phải được trang bị các máy móc, thiết bị và dụng cụ phù hợp với từng học phần.

Hiệu trưởng	**Phòng Quản lý Đào tạo**	**Khoa Kiến Trúc – XD & Môi trường**
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)		
TS. NGUYỄN VĂN QUANG		